

Đề cương : Kinh tế chuyển đổi trung quốc

Tóm tắt chương 1 :

Câu hỏi 1 : Trình bày và phân tích nội dung đường lối cải cách kinh tế ở Trung Quốc.

I. Khái quát nguyên nhân cải cách và mở cửa

Trung Quốc phê phán những quan điểm tả khuynh về kinh tế, chính trị của thời kì trước đây - nguyên nhân gây nên sự trì trệ về kinh tế - xã hội

- Về phương diện kinh tế: Trung Quốc xem xét toàn diện thực trạng kinh tế- xã hội

+ Nông nghiệp: 700 triệu nông dân với lao động thủ công là phổ biến

+ Công nghiệp: nhiều ngành sản xuất còn lạc hậu mấy chục năm, thậm chí còn ngành lạc hậu hàng trăm năm so với công nghiệp ở các nước phương Tây. Trình độ xã hội hóa sức sản xuất rất thấp kém, kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên còn chiếm tỉ trọng tương đối lớn hơn trong nền kinh tế

=> Nếu tiếp tục kéo dài sẽ đưa đất nước vào con đường bế tắc, khủng hoảng

- Về phương diện lí luận: Trung Quốc cho rằng trong quá trình nghiên cứu, C.Mác đã có

dự đoán thiên tài về mặt xã hội tương lai khi lực lượng sản xuất đạt tới trình độ cao. Nhưng thực tế, nền kinh tế Trung Quốc còn ở trình độ thấp. Trung Quốc thừa nhận tình trạng đóng cửa lâu ngày nền kinh tế cũng gây trì trệ cho sản xuất và gây tình trạng tụt hậu trong phát triển kinh tế. Tự nhận thức lý luận và đánh giá thực tiễn là cơ sở cho việc khởi thảo đường lối cải cách và mở cửa của Trung Quốc

II. Nội dung cải cách và mở cửa

Trong giai đoạn đầu cải cách, Trung Quốc chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa, và từ năm 1992, xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

- Trung Quốc cho rằng, trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa không phải do kế hoạch điều tiết đơn nhất, mà có thể kết hợp giữa kế hoạch với thị trường. Trung Quốc coi đây là kết luận cơ bản rút ra từ thực tiễn xây dựng kinh tế trong những năm qua

- Đường lối kinh tế của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã khẳng định kinh tế XHCN là “kinh tế hàng hóa có kế hoạch trên cơ sở chế độ công hữu” và “ thực hiện kinh tế kế hoạch cùng với việc vận dụng quy luật giá trị và phát triển kinh tế hàng hóa không phải là bài xích nhau mà là thống nhất nhau. Đối lập chúng với nhau là sai lầm”

- Từ tháng 10 năm 1992, tại đại hội XIV, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã dứt khoát lựa chọn thể chế kinh tế thị trường XHCN là mục tiêu của cải cách kinh tế. Trung Quốc đã tiến hành giá cả , tỷ giá, thuế,.. và hướng tới hình thành đồng bộ các loại thị trường vốn, lao động, công nghệ thông tin bất động sản,.. để cơ chế thị trường hoạt động thông suốt

Trung Quốc chủ trương khôi phục và duy trì một nền kinh tế nhiều thành phần

- Trung Quốc cho rằng trong điều kiện cụ thể, nền kinh tế không phải càng thuần khiết XHCN càng tốt, mà cần đa dạng hóa các loại hình sở hữu trong điều kiện lấy chế độ công hữu làm chủ thể, quy mô sở hữu phải dựa vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
 - Việc lựa chọn và xác lập các hình thức sở hữu không thể xuất phát từ ý tưởng chủ quan mà xuất phát từ yếu tố khách quan của lực lượng sản xuất quyết định
 - Đổi mới nhận thức về chế độ sở hữu dưới CNXH, phá bỏ quan niệm truyền thống là giữa quyền sở hữu và quyền kinh doanh “càng thống nhất càng tốt” để xác lập quan niệm mới là quyền sở hữu về kinh doanh có thể tách rời nhau
 - Các hình thức kinh tế tư bản Nhà nước cũng được chú trọng
 - Trung Quốc áp dụng chính sách khoán không chỉ trong nông nghiệp, mà cả trong lĩnh vực công thương nghiệp
 - Trung Quốc cho phép cạnh tranh, giải thể những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ và thi hành chế độ hợp đồng lao động trong hoạt động kinh tế, coi đây là tác động quan trọng cho sản xuất phát triển
 - Quá trình cải cách doanh nghiệp ở Trung Quốc còn gắn liền với ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật
 - Trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần và phát triển kinh tế thị trường cần kết hợp phân phối theo lao động và phân phối theo yếu tố sản xuất, cho phép cổ vũ một bộ phận người dân, một số vùng được giàu lên trước bằng con đường kinh tế hợp pháp
- Trung Quốc chủ trương điều chỉnh lại cơ cấu nền kinh tế vốn mất cân đối từ trước, đặc biệt trong giai đoạn thực hiện “Bốn hiện đại hóa”
- Trung Quốc chuyển thứ tự ưu tiên phát triển từ công nghiệp nặng- công nghiệp nhẹ- nông nghiệp sang nông nghiệp- công nghệ nhẹ- công nghiệp nặng.
 - Trung Quốc coi trọng vấn đề hiện đại hóa, coi hiện đại hóa công nghiệp là tiên đề để hiện đại hóa các ngành kinh tế khác
 - Hiện đại hóa công nghiệp bao gồm: hiện đại hóa công nghệ và hiện đại hóa cơ cấu kinh tế

Tăng cường lấy nông nghiệp làm cơ sở cho phát triển và công nghiệp nặng phải hỗ trợ cho công nghiệp nhẹ tăng trưởng ổn định

Trung Quốc chủ trương thực hiện chính sách mở cửa

- Hội nghị lần thứ 12 của Đảng cộng sản Trung Quốc (9/1982) đã khẳng định: “Chính sách mở cửa là đường lối chiến lược không thay đổi, là một điều kiện cơ bản để hiện đại hóa”. Đặc biệt từ năm 1992, Trung Quốc chủ trương đẩy nhanh nhịp độ mở cửa nhằm thu hút vốn và tranh thủ khoa học- kỹ thuật của nước ngoài

Trung Quốc chủ trương tiến hành cải cách thể chế chính trị

- Mục tiêu phấn đấu của Đảng cộng sản Trung Quốc là kiện toàn chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế, nhận định chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng thực hiện của nhà nước, tinh giản bộ máy quản lý.

- Trong xây dựng đội ngũ cán bộ, tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực của họ được đánh giá bằng lòng nhiệt thành, quyết tâm và những hành động có hiệu quả trong cải cách kinh tế

=> Trên đây là toàn bộ những nội dung cơ bản về cải cách và mở cửa ở Trung Quốc. Qua thực tế, nó đã tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ làm sống động nền kinh tế trên nhiều lĩnh vực

• Liên hệ với đường lối cải cách kinh tế ở Việt Nam

Điểm giống nhau:

- Sau những điểm yếu bộc lộ từ mô hình kế hoạch hóa tập trung, thì cuộc cải cách mở cửa ở Việt Nam và Trung Quốc có điểm chung là tìm kiếm mô hình mới, thiết thực để xây dựng thành công chế độ XHCN ở mỗi nước.

- Về mặt lý luận: Điều lấy lý luận của chủ nghĩa Mác – Lenin làm cơ sở cho hệ tư tưởng của mình và đều kiên định đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.

- Về đặc trưng: Đều có 3 mặt chung

+ Chế độ công hữu bao gồm: Nhà nước, tập thể và kinh tế quốc hữu và kinh tế tập thể trong sở hữu hỗn hợp

+ Chế độ phân phối: phân phối theo lao động

+ Chế độ chính trị: chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa chuyên chính vô sản lấy liên minh công nông làm lòng cốt

- Về chính sách: Đều có các chính sách đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh ngoại thương, lợi dụng vốn và kỹ thuật tiên tiến nước ngoài từ đó phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết và quản lý của nhà nước, thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tăng trưởng kinh tế

Điểm khác nhau:

Đặc điểm Việt Nam Trung Quốc

Công cuộc đổi mới đất nước về Kinh tế- xã hội Công cuộc đổi mới toàn bộ nền kinh tế đất nước bắt đầu từ Đại hội lần thứ VI Đảng cộng sản Việt Nam (12/1986) và được khẳng định tại Đại hội lần thứ VII (6/1991) là “ Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Và Việt Nam đã tiến hành những bước quan trọng trong việc áp dụng cơ chế thị trường như: Tự do hóa giá cả, thị trường tỷ giá hối đoái, thực hiện khoán trao quyền sử dụng đất cho nông dân...

Đã hình thành tư tưởng đổi mới thể chế kinh tế trước Việt Nam cả chục năm, vì vậy phải tự lần mò thử nghiệm con đường xã hội chủ nghĩa cho riêng mình.

Cơ chế, chế độ quản lý Việt Nam chỉ có một chế độ đó là Xã Hội Chủ Nghĩa. Trung Quốc có cơ chế quốc sách là “một nước hai chế độ” đó là hai khu vực kinh tế, một bên là Trung Hoa đại lục thực hiện chế độ XHCN, một bên là Hồng Kông, Đài Loan và Ma Cao thực hiện chế độ TBCN với các chủ trương về cải cách kinh tế có khác nhau, bổ sung cho nhau à Đây là điều kiện thuận lợi để TQ phát triển nhanh chóng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Kim chỉ nam dẫn đường cho công cuộc cải cách đó là tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng Mác- Lê Nin cùng với sự vận dụng sáng tạo của Đảng cộng sản Việt Nam đã thực hiện thành công cuộc cải cách kinh tế và giành được những thắng lợi to lớn. Dựa trên và kế thừa tư tưởng Mao Trạch Đông kết hợp với nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác, tình hình thực tế của TQ, cùng với lý luận của Đặng Tiểu Bình à mở đường cho công cuộc cải cách mở cửa, giúp TQ phát triển như ngày hôm nay.

Có thể nói tiền trình tư tưởng thể chế kinh tế thị trường XHCN ở Trung Quốc đã có những ảnh hưởng nhất định đến thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nó là ví dụ điển hình là có vai trò quan trọng trong việc định hướng kinh tế của mỗi nước XHCN.

Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thời kỳ này đặc biệt là sau năm 1986, đảng và nhà nước ta đã học tập rất nhiều những bài học bổ ích và phát triển có hiệu quả trong sự phát triển nền kinh tế của Trung quốc. Việt Nam chấp nhận một nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần (cả kinh tế XHCN, kinh tế tiểu thủ công, kinh tế tư bản tư nhân,...) đẩy mạnh cải tạo XHCN làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của Lực lượng sản xuất, xóa bỏ đi những quan điểm nóng vội chủ quan, bỏ qua những bước đi cần thiết.

Khẳng định được vị trí hàng đầu của nông nghiệp, lâm ngư nghiệp cũng như các ngành Công nghiệp nhẹ, tiểu thủ Công nghiệp, còn Công nghiệp nặng thì phát triển có chọn lọc.

Xóa bỏ đi được cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, từ nhiều năm nay sang cơ chế KHHTT theo phương thức hạch toán xây dựng XHCN. Từ đó, mở cửa nền kinh tế nhằm hướng ra thế giới tiếp thu nguồn lực xã hội tiên tiến, kinh nghiệm về quản lý tổ chức đa dạng hóa kinh tế thị trường.

Việt Nam cho xây dựng được nhiều đặc khu kinh tế nhằm thu hút đầu tư nước ngoài và là cầu nối kinh tế trong và ngoài nước.

Nhờ những bước đột phá trong chính sách quản lý nhà nước mà Việt nam có được nhiều thành tựu đáng kinh ngạc. Nhịp độ phát triển kinh tế khá nhanh và ổn định, đã có năm GDP tăng 9,5% (1995). Hàng năm nông nghiệp và công nghiệp phát triển nhanh xấp xỉ 4,5% và 13,5 %, kim ngạch xuất khẩu tăng 20%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng , dịch vụ tăng. Từ một nước thiếu ăn đã vươn lên vị trí thứ 3 về xuất khẩu gạo trên thế giới.

Giới thiệu các hình thái thị trường và áp dụng cạnh tranh từ bên ngoài nhằm loại bỏ những hạn chế của hệ thống thương mại truyền thống và các hình thức độc quyền khác nhau. Cũng giống như nhiều nước đang phát triển đã trải qua những thay đổi căn bản từ nền kinh tế kế hoạch hóa truyền thống sang nền kinh tế định hướng thị trường, trung quốc phải đối mặt với những khó khăn gay gắt trong việc ngừng duy trì hệ thống cũ, thay vào đó là cách quản lý mới dựa vào thị

trường, cơ chế thị trường, các thể chế kinh tế định hướng thị trường, nhân tài và kinh nghiệm quản lý. Nhờ quá trình mở cửa, trung quốc đã học hỏi nhiều được nhiều nhân tố “phần mềm” quan trọng của một nền kinh tế thị trường, những yếu tố này có ý nghĩa hơn nhiều so với vốn hữu hình, các sản phẩm hay công nghệ. Những yếu tố này có thể kích lệ mạnh mẽ hơn nữa những tài năng, sự năng động và sáng tạo, theo đó mang lại giá trị về mặt xã hội hơn là những vốn hữu hình.

Trong quan hệ buôn bán với nước ngoài, Trung Quốc luôn luôn ở vị thế xuất siêu; mức xuất siêu ngày một lớn và thuộc loại nhất nhì thế giới. Việt Nam luôn ở vị thế nhập siêu, tăng liên tục từ năm 2000 đến 2004 với mức đỉnh điểm gần 5,5 tỉ USD; năm 2005 tuy đã giảm xuống nhưng vẫn còn trên 4,5 tỉ USD.

Tuy nhiên bên cạnh đó Trung quốc cũng tồn đọng nhiều nhược điểm tồn đọng ví dụ như:

+ Chính sách thương mại thiếu thất quán, thiếu ổn định và liên tục.

+ Chiến lược quá chú trọng xuất khẩu gây ra những cản trở đối với nhập khẩu ở mức độ nhất định. Trước năm 1994, vấn đề chủ yếu của nền kinh tế và thương mại Trung Quốc là thiếu ngoại hối và cung cấp ổn định.

Chúng ta cũng nên nhìn nhận và tránh mắc phải sai lầm từ những nhược điểm tồn đọng của Trung Quốc.

Câu 2 : TRÌNH BÀY CÁC BƯỚC CHUYỂN SANG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở TRUNG QUỐC. LÀM RÕ NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC

□ TIẾN TRÌNH TƯ TƯỞNG THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở TRUNG QUỐC

-Sự phá sản của đường lối xây dựng xã hội kiểu cũ ở Trung quốc những năm 1960-1970

+ Do xác định mô hình thể chế kinh tế XHCN là mô hình kế hoạch hóa, nên ngay ở giai đoạn đầu khôi phục đất nước sau chiến tranh, nền kinh tế kế hoạch đã có tác dụng nhanh chóng trong việc tập trung nhân lực, tài lực, để đảm bảo các mục tiêu kế hoạch đã được đề ra.

+ Nhưng ở thể chế này, do nhà nước tập trung cao độ, quản lý xí nghiệp quá cứng nhắc, không phân biệt chức năng quản lý nhà nước về nền kinh tế với quản lý kinh doanh, duy trì chế độ công hữu đơn nhất, loại bỏ sản xuất hàng hóa và tác dụng quy luật giá trị... nên càng ngày càng làm mất đi sức sống của kinh tế XHCN.

+ Các chủ trương như Đại nhảy vọt, Ba ngọn cờ hồng, toàn dân làm gang thép ... đã đưa Trung quốc vào thảm họa đói nghèo cùng với tư tưởng cực tả còn đẩy Trung quốc vào cuộc cuồng phong “cách mạng văn hóa vô sản” đã đưa Trung quốc đến bờ vực thảm họa diệt vong.

Mặt khác, vai trò của Trung Quốc trên thế giới bị giảm sút khi trung quốc đại lục chỉ là “người khổng lồ rỗng ruột” bị cô lập với thế giới bên ngoài.

+ Tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghệ, sự điều chỉnh thích ứng mới của CNTB, sự lạc hậu trì trệ của CNXH thế giới.

+ Tất cả đã góp phần thúc đẩy ban lãnh đạo Trung quốc tìm con đường mới cho hướng đi của Trung quốc là “CNXH mang màu sắc Trung Quốc” và trên cơ sở đó hình thành xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN ở trung quốc.

- Sự hình thành lí luận chuyển sang KTTT ở Trung quốc: 3 giai đoạn

□ Năm 1978-1984: giai đoạn khởi đầu về nhận thức cải cách kinh tế, từ “kinh tế kế hoạch đơn thuần” sang “kinh tế kế hoạch là chủ yếu, điều tiết thị trường là bổ sung” hay còn gọi là “kinh tế hàng hóa có kế hoạch”

+ Để chống lại quan điểm "hữu khuynh" đòi xóa bỏ quan hệ "hàng - tiền", các nhà kinh tế nêu ý kiến cần phát huy hơn nữa vai trò của quy luật giá trị.

+ Nhưng, do nhận thức của mọi người lúc đó về kinh tế hàng hóa còn mơ hồ nên mãi tới Hội nghị công tác Trung ương tháng 4-1979, Phó thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc lúc đó Lý Tiên Niệm mới đưa ra quan điểm "kết hợp giữa điều tiết kế hoạch và điều tiết thị trường, lấy kinh tế kế hoạch làm chính, đồng thời hết sức coi trọng vai trò bổ trợ của điều tiết thị trường".

+ Đồng thời với việc đưa ra vấn đề kết hợp điều tiết kế hoạch và điều tiết thị trường, vào khoảng tháng 1-2/1979, một số nhà kinh tế cũng nêu lên vấn đề kết hợp kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường. Nhà kinh tế Trần Vân đưa ra quan điểm "kết hợp kinh tế kế hoạch làm chủ thể, kinh tế thị trường là sự bổ sung quan trọng chứ không phải là sự bổ sung thứ yếu".

□ Từ năm 1984-1989: giai đoạn chuyển sang “kết hợp kinh tế có kế hoạch với điều tiết thị trường”

Hội nghị Trung ương 3 khóa XII đã thông qua Nghị quyết của Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế kinh tế.

Nghị quyết chỉ rõ: “Nền kinh tế XHCN là nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch trên cơ sở chế độ công hữu. Phát triển đầy đủ kinh tế hàng hóa là giai đoạn không thể bỏ qua của sự phát triển kinh tế xã hội, là điều kiện tất yếu để thực hiện hiện đại hóa Trung Quốc”. Đây là một đột phá quan trọng về lý luận. Lần đầu tiên Trung Quốc khẳng định rõ ràng kinh tế XHCN là kinh tế hàng hóa. Nó đánh dấu sự nhảy vọt về nhận thức đối với kinh tế XHCN. Ông Đặng Tiểu Bình đã đánh giá rất cao văn kiện này

Sau Hội nghị Trung ương 3 khóa XII, Báo cáo Chính trị của Đại hội lần thứ XIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (11-1987) đã không còn nhắc tới kinh tế kế hoạch nữa, mà nhấn mạnh "vai trò của kế hoạch và thị trường đều là cơ chế vận hành kinh tế mới bao phủ lên toàn xã hội".

□ Từ năm 1989-1992, Giai đoạn kinh tế thị trường XHCN.

Đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, ở Trung Quốc đã xuất hiện một trận Đại luận chiến về vấn đề cải cách thất bại hay thành công? Việc phê phán trên quy mô lớn đối với lý luận kinh tế thị trường đã gây ra sự lo lắng trong cán bộ và quần chúng nhân dân. Thêm vào đó lại xảy ra sự biến động chính trị ngày 19-8-1991, rồi cuộc cải cách của Liên Xô và các nước Đông Âu không triệt để khiến cho cải cách ở Trung Quốc trong thời gian này bị chậm lại. Họ vẫn luôn băn khoăn bởi vấn đề kinh tế thị trường mang tính chất XHCN hay TBCN?

Tháng 10 /1992, Đại hội XIV của đảng cộng sản trung quốc đã trình bày lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc TQ của Đặng Tiểu Bình một cách hệ thống, chính thức xác định: "Mục tiêu cải cách thể chế kinh tế của TQ là xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa", và coi thị trường là có vai trò cơ sở trong việc bố trí phân phối các nguồn lực dưới sự khống chế của Nhà nước. Điều đó đã chỉ rõ phương hướng cho việc xây dựng thể chế kinh tế mới xã hội chủ nghĩa ở TQ

Từ đó từng bước thiết lập thể chế và tiến hành hàng loạt những biện pháp cải cách như: chuyển cơ chế kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, tăng nhịp độ mở rộng thị trường, thả lỏng hơn giá thị trường...

□ Giai đoạn 1992-2001: hình thành khung cơ bản của thể chế kinh tế thị trường XHCN

Dựa vào luận điểm trên của ông Đặng Tiểu Bình. Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIV (10-1992) chính thức tuyên bố: "Mục tiêu cải cách thể chế kinh tế của Trung Quốc là xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN"

Và chỉ rõ: "Thể chế kinh tế thị trường XHCN chính là làm cho thị trường phát huy được vai trò mang tính cơ sở trong việc bố trí các nguồn lực dưới sự điều tiết vĩ mô của nhà nước...".

Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc (11-1993) đã nêu ra nội dung của việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường: "Lấy chế độ công hữu làm chủ thể, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển; chuyển đổi thêm một bước cơ chế kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại; xây dựng hệ thống thị trường mở cửa thống nhất trong cả nước; chuyển đổi chức năng quản lý kinh tế của Chính phủ, xây dựng hệ thống điều tiết vĩ mô hoàn thiện; xây dựng chế độ phân phối thu nhập lấy phân phối theo lao động là chính, ưu tiên hiệu suất, chú trọng công bằng; xây dựng chế độ bảo hiểm xã hội nhiều tầng. Những khâu chủ yếu này là một thể hữu cơ gắn với nhau, tạo nên khung cơ bản của thể chế kinh tế thị trường XHCN".

□ Giai đoạn từ 2002- đến nay: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN

Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (11-2002), đề ra: "Trong 20 năm đầu của thế kỷ XXI, Trung Quốc tập trung toàn lực xây dựng xã hội khá giả toàn diện với trình độ cao hơn, đem lại lợi ích cho số dân tỷ mấy người, làm cho kinh tế phát triển hơn, dân chủ kiện toàn hơn, khoa học giáo dục tiên bộ hơn, văn hóa phồn vinh hơn, xã hội hòa hợp hơn, cuộc sống nhân dân sung túc hơn. Đó là một giai đoạn phát triển tiếp nối tất phải trải

qua để tiến tới mục tiêu chiến lược bước ba của công cuộc xây dựng hiện đại hóa, cũng là giai đoạn then chốt để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN và tăng cường mở cửa đối ngoại".

-NHỮNG GIẢI PHÁP

□ Chuyển đổi thể chế kinh tế (1978 - 1991)

Đảng Cộng sản Trung Quốc với phương châm “giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị”, chuyển trọng tâm công tác từ “lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh” sang “lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm” nhằm mục tiêu xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Giai đoạn đầu tập trung vào chuyển đổi thể chế kinh tế với việc “khoán ruộng đất”, “phát triển xí nghiệp hương trấn” ở nông thôn, sau đó tiến hành mở rộng thí điểm quyền tự chủ kinh doanh của xí nghiệp quốc hữu ở thành phố, tiến hành mở cửa, xây dựng đặc khu kinh tế, xây dựng các loại thị trường. Việc xây dựng các đặc khu kinh tế (SEZs) ở Trung Quốc tương đối thành công. SEZs đã phát huy được vai trò “cửa sổ” và “cầu nối” có ảnh hưởng tích cực đối với trong và ngoài nước. SEZs của Trung Quốc đã đạt được thành công bước đầu trong sự kết hợp giữa kế hoạch và thị trường. Những năm 1984 - 1991, cải cách xí nghiệp quốc hữu là trọng tâm, cải cách giá cả là then chốt trong toàn bộ cuộc cải cách. Trong giai đoạn chuyển đổi thể chế kinh tế (1978 - 1991), Trung Quốc đã tìm tòi, tổ chức thí điểm, từng bước tiếp nhận cơ chế thị trường, sửa chữa những khuyết điểm của thể chế kinh tế kế hoạch.

□ Xây dựng khung thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa (1992 - 2002)

Bước sang thập niên 90 của thế kỷ XX, tình hình thế giới diễn ra những biến đổi to lớn và sâu sắc. Hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, Liên Xô giải thể, đảng cộng sản ở các nước Đông Âu mất địa vị cầm quyền. Chiến tranh lạnh kết thúc, nhiều nước tiến hành điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại.

Tại Trung Quốc, sự nghiệp cải cách, mở cửa đối mặt với nhiều thách thức to lớn. Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ trương gác lại các cuộc tranh luận, tiến hành “Ba điều có lợi” (có lợi cho phát triển sức sản xuất xã hội chủ nghĩa, có lợi cho đất nước, có lợi cho đời sống nhân dân), mạnh dạn xông pha vào thực tiễn và lấy thực tiễn để kiểm nghiệm. Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 1992) nêu mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh mở cửa. Đây được coi là cuộc giải phóng tư tưởng lần thứ hai, là mốc quan trọng trong tiến trình cải cách, mở cửa ở Trung Quốc.

Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đặc biệt là Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV (năm 1993) thông qua “Quyết định về một số vấn đề xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”, trong đó chỉ rõ: “lấy chế độ công hữu làm chủ thể, nhiều thành phần kinh tế khác cùng phát triển,... xây dựng chế độ phân phối thu nhập, lấy phân phối theo lao động làm chính, ưu tiên hiệu quả, quan tâm tới công bằng, khuyến khích một số vùng, một số người giàu có lên trước, đi con đường cùng giàu có”(1). Đại hội XV Đảng

Cộng sản Trung Quốc (năm 1997) đã xác định mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa.

□ Đẩy mạnh xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa từ năm 2002 đến nay, cải cách theo chiều sâu

Năm 2001 Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Sự kiện này đánh dấu tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng của Trung Quốc. Từ Đại hội XVI (năm 2002) Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, đứng đầu là Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã nêu ra quan điểm phát triển khoa học, xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy phát triển toàn diện hài hòa và bền vững kinh tế - xã hội. Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2007) nêu chủ trương từ “tam vị nhất thể” - bao gồm kinh tế, chính trị và văn hoá sang “tứ vị nhất thể” - bao gồm kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội.

Bước sang thế kỷ XXI, Trung Quốc đã xây dựng được cục diện cải cách, mở cửa toàn phương vị, đa tầng nấc; hình thành các cực tăng trưởng, Trước đó, Tiểu Chu Giang với nòng cốt là Quảng Châu, Thâm Quyển được coi là cực tăng trưởng thứ nhất của Trung Quốc, hình thành trong giai đoạn đầu của cải cách, mở cửa với việc xây dựng 4 đặc khu (Thâm Quyển, Chu Hải, Sán Đầu, Hạ Môn)

Từ năm 1990, Trung Quốc đẩy mạnh xây dựng Phố Đông, coi đây là “đầu tàu” lôi kéo và kết nối các điểm tăng trưởng hạ lưu sông Trường Giang và ven biển Đông Hải. Sự ra đời của Phố Đông (Thượng Hải) đánh dấu sự xuất hiện cực tăng trưởng thứ hai của Trung Quốc. Ngày 6-6-2006, Chính phủ Trung Quốc đã công bố “Ý kiến về mấy vấn đề thúc đẩy mở cửa phát triển Khu mới Tân Hải Thiên Tân”, đánh dấu việc chủ trương đưa Thiên Tân vươn lên trở thành cực tăng trưởng thứ ba của Trung Quốc, gắn liền các điểm tăng trưởng xoay quanh vịnh Bột Hải. Tiếp đó, vùng Thành Đô - Trùng Khánh (Xuyên Du), Khu kinh tế Vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây), Khu kinh tế bờ Tây (Phúc Kiến) cũng lần lượt trở thành cực tăng trưởng tiếp theo ở Trung Quốc. Năm 2008, Quốc vụ viện Trung Quốc đã phê chuẩn “Cương yếu quy hoạch Khu kinh tế Vịnh Bắc Bộ”, thể hiện quyết tâm của Trung Quốc trong xây dựng cực tăng trưởng mới - cực tăng trưởng kết nối giữa Trung Quốc và ASEAN.

Từ Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đặc biệt là Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII thông qua Nghị quyết về cải cách toàn diện và sâu rộng, thực hiện “giác mộng Trung Quốc”, “phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa”.

-LIÊN HỆ VIỆT NAM

□ Liên hệ Việt Nam

Làn sóng cải cách kinh tế khắp các nước trên thế giới từ cuối 1970 đã tạo nên áp lực mạnh mẽ cho công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sản phẩm của thời kỳ Đổi Mới, thay thế nền kinh tế kế hoạch tập trung bằng nền kinh tế hỗn hợp hoạt động theo cơ chế thị trường mà ở đó kinh tế nhà nước nắm vai trò chủ đạo. Những thay đổi này giúp Việt Nam hội nhập với nền kinh tế toàn cầu. Cụm từ "định hướng xã hội chủ nghĩa" mang hàm ý là Việt Nam chưa đạt đến chủ nghĩa xã hội mà đang trong giai đoạn xây dựng nền tảng cho

hệ thống này trong tương lai. Mô hình kinh tế này khá tương đồng với mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa (socialist market economy) của Đảng Cộng sản Trung Quốc, trong đó các mô hình kinh tế tập thể, nhà nước, tư nhân cùng tồn tại, và khu vực nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

3.2 So sánh

☐ Khác nhau trong tư tưởng

- Trung Quốc đã dứt khoát theo chủ nghĩa phát triển, mạnh dạn tạo điều kiện cho kinh tế thị trường phát triển, vai trò của nhà nước chỉ nhằm giải quyết những vấn đề mà kinh tế học gọi là sự thất bại của thị trường. Tuy đề ra chủ trương xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa nhưng trên thực tế hầu như họ gác lại một bên lý tưởng đó mà tập trung phát triển lực lượng sản xuất. Cụ thể là cho kinh tế tư nhân tự do phát triển và tạo điều kiện thuận lợi cho nước ngoài đến đầu tư trực tiếp (FDI).

- Việt Nam :không theo chủ nghĩa phát triển mà thường đề ý thức hệ chính trị chi phối quá trình cải cách (lo lắng nguy cơ chệch hướng chủ nghĩa xã hội). Chẳng hạn chính sách đổi mới quyết định năm 1986 chủ trương đa dạng hóa chế độ sở hữu tư liệu sản xuất nhưng đến năm 1990 mới có Luật doanh nghiệp trong đó thừa nhận sự tồn tại của doanh nghiệp tư nhân. Tuy nhiên đó chỉ mới thừa nhận, phải đợi đến năm 1999 mới có Luật doanh nghiệp mới, cho phép doanh nghiệp tư nhân đầu tư trong mọi lĩnh vực mà luật không cấm.

b. Vai trò chính quyền địa phương

- Trung Quốc:

+ Các địa phương cạnh tranh nhau trong quá trình phát triển, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thông tin, về vốn, nhất là về thủ tục hành chính

+ Chính quyền địa phương cho các công ty sở hữu tập thể hoạt động như doanh nghiệp tư nhân.

- Về phía Việt Nam:

+ Sau giai đoạn sản xuất nông nghiệp khởi sắc nhờ Khoán 10 (1988), chưa thấy có sự chuyển dịch đáng kể ở nông thôn.

+ Không thấy có điển hình phát triển nào được chú ý, ngoài vài tỉnh lân cận Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

c. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Ngay từ khi quyết định cải cách, mở cửa, Trung Quốc đã nhận thức sức mạnh của công nghệ, của tri thức và có chiến lược tận dụng nguồn lực của Nhật và Mỹ.

- Trong thập niên 1980, trong khi hành lang pháp lý chưa được hoàn thiện, doanh nghiệp Âu Mỹ và Nhật Bản còn e ngại, sợ rủi ro, chưa đầu tư bao nhiêu thì Hoa kiều đã tích cực đổ vốn và đưa công nghệ vào 4 đặc khu kinh tế. Sang thập niên 1990, làn sóng FDI từ Đài Loan, Nhật Bản và các nước Âu Mỹ bắt đầu tích cực chảy đến Trung Quốc.

- Từ thập niên 1990 đến giữa thập niên 2000, chính sách FDI nói chung là nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp có vốn nước ngoài và luôn thay đổi nên đã đánh mất nhiều cơ hội đẩy mạnh công nghiệp hóa.

Tóm lại, qua 10 năm cải cách và phát triển theo hướng kinh tế thị trường (1992-2002), thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đã bước đầu hình thành ở trung quốc.

Nhờ có sự chuyển đổi trong nền kinh tế mà Trung Quốc đã đạt được những thành tựu kinh tế lớn

Trở thành nền kinh tế phát triển nhanh nhất trong suốt 30 năm qua và đang nỗ lực để thoát khỏi đói nghèo.

Tiến trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường của Trung quốc đã gây ấn tượng mạnh mẽ trên toàn thế giới đặc biệt như ở các quốc gia Ireland, Brazil, Ấn Độ cũng đem lại sự thịnh vượng và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại những vấn đề về thể chế gây cản trở sự phát triển của kinh tế - xã hội.

Hội nghị Trung ương 3 khóa XVI đảng Cộng sản trung Quốc đã mở đầu giai đoạn “hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa” trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế thế giới, nhằm mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả, tiến tới hoàn thành thành công công cuộc hiện đại hóa đất nước.

CÂU 3: Trình bày sáng kiến vành đai con đường và tác động của nó?

1, Sáng kiến vành đai con đường:

1.1 Giới thiệu về “Một vành đai – một con đường”

Một vành đai, Một con đường (One Belt One Road), còn được gọi là Sáng kiến Vành đai và Con đường (Belt and Road Initiative)

Về cơ bản, đây là một mạng lưới nối liền giữa các tuyến đường bộ, đường sắt, các đường ống dẫn dầu, các mạng lưới điện, các hệ thống cảng biển cùng rất nhiều dự án hạ tầng nối liền khoảng 65 quốc gia. Việc phát triển các hệ thống và dự án hạ tầng này nhằm kết nối Trung Quốc với phần còn lại của thế giới.

“Một vành đai, Một con đường” bao gồm hai phần: Vành đai và Con đường. “Vành đai” có nghĩa là “Vành đai kinh tế con đường tơ lụa” (Silk Road Economic Belt); “Con đường” có nghĩa là “Con đường tơ lụa trên biển” thế kỷ 21 (21st Century Maritime Silk Road).

1.2 Lịch sử hình thành

"Một Vành đai, Một Con đường", tên gọi ban đầu của BRI, được Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình lần đầu tiên đưa ra vào cuối năm 2013. Sau khi được Thủ tướng Lý Khắc Cường quảng bá rộng rãi trong các chuyến thăm tới châu Á và châu Âu, sáng kiến này nhanh chóng thu hút sự chú ý của dư luận Trung Quốc và thế giới.

Cơ quan Dịch thuật và Biên soạn Trung ương Trung Quốc cùng Học viện Khoa học Xã hội nước này cuối năm 2016 đề nghị thay đổi cách dịch cụm từ này thành "Sáng kiến Vành đai và Con đường"

1.3 Mục tiêu

- Chiến lược nhằm đối phó với các nỗ lực của Hoa Kỳ, EU và các đối tác trong việc hình thành nên các Hiệp định thương mại nhằm gạt Trung Quốc ra khỏi các mạng lưới liên kết đối tác
- Thứ hai, BRI hay OBOR của Trung Quốc là một cố gắng nhằm kéo các nước châu Á tích hợp và phụ thuộc vào Trung Quốc
- Thứ ba, BRI là dùng các tiếp cận kinh tế từ hỗ trợ, đầu tư trực tiếp, cho đến xuất khẩu các chính sách phát triển quốc gia đến các nước châu Á trong khu vực như là một phương thức nhằm giải tỏa các tranh chấp biên giới và hàng hải
- Mục tiêu thứ tư của BRI là bằng cách xây dựng cơ sở hạ tầng, tận dụng các hiệp định sẵn có và gỡ bỏ các rào cản thuế quan, cho phép nền kinh tế Trung Quốc tích hợp sâu hơn vào các nền kinh tế năng động khác. Nhờ đó giúp cho nền kinh tế Trung Quốc tăng xuất khẩu, giải quyết được khả năng sản xuất vốn đã bị dư thừa
- thứ năm, “đại chiến lược” là một phương thức nhằm cải thiện hồ ngấn cách về xã hội và kinh tế giữa các tỉnh duyên hải với các tỉnh nội địa của Trung Quốc

1.4. Hành trình BRI lan tỏa toàn thế giới:

- Tháng 9/2013: ông Tập đề xuất kế hoạch “Con đường tơ lụa” trên đất liền ở Astana, Kazakhstan.
- Tháng 10/2013: ông Tập thêm một “Con đường tơ lụa hàng hải thế kỷ 21” tại Jakarta, Indonesia.
- Tháng 3/2015: Kế hoạch hành động “Vành đai Con đường” xác định các khu vực Nam Á, Ấn Độ Dương, Nam Thái Bình Dương và biển Địa Trung Hải.
- Tháng 6/2017: “Tầm nhìn về Hợp tác Hàng hải dưới Sáng kiến Vành đai Con đường” của Trung Quốc nêu bật 3 “hành lang kinh tế xanh” qua châu Âu, châu Phi, châu Á và châu Đại Dương.
- 22/01/2018: ông Tập đề xuất “Con đường tơ lụa xuyên Thái Bình Dương” với các nước châu Mỹ Latinh và Caribbean.
- 26/01/2018: Sách trắng công bố “Con đường tơ lụa Địa cực”.

2. Tác động của sáng kiến “Một vành đai – Một con đường”

2.1 Tác động đối với Trung Quốc

a. Tích cực

- Đại đa số các doanh nghiệp Trung Quốc được hưởng lợi
- Tạo ra thị trường mới cho hàng hoá Trung Quốc. Trung Quốc tiếp cận nhiều tài nguyên và nguồn cung năng lượng. Gia tăng năng lực xuất khẩu công nghệ và năng lượng sản xuất dư thừa.

Tham vọng bành trướng, ra tăng sức ảnh hưởng của Trung Quốc với thế giới, trong chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn chính trị, quân sự,...

b. Tiêu cực

Rất nhiều điểm dừng tại hơn 60 quốc gia và 3 châu lục nằm trong dự án có thể là những vùng đất chiến lược quan trọng trong quan hệ đối ngoại của Trung Quốc nhưng lại ẩn chứa nhiều rủi ro tiềm tàng cả về chính trị, kinh tế lẫn pháp luật, đe dọa đến sự thành công của OBOR, đó là:

- Những rủi ro về vấn đề hạ tầng cơ sở, chính sách ngoại thương và thanh toán quốc tế, tài chính, chính sách thuế của các nước và các địa phương;
- Những rủi ro về mặt an ninh như xung đột vũ trang, khủng bố, biểu tình quá khích, tội phạm có tổ chức, bắt cóc, tống tiền...;

- Những rủi ro về mặt chính trị như bất ổn chính trị, chuyển đổi chế độ, phản đối lập trường, chính phủ độc tài, căng thẳng quốc tế;
- Rất nhiều rủi ro khác liên quan đến việc xây dựng chính sách, tính hiệu quả của chính phủ, vấn đề tham nhũng, quyền con người, biến động tỉ giá hối đoái...

2.2. Với Quốc tế

a. Tích cực

- Đây được coi là 1 trong những đại dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng lớn nhất trong lịch sử nhân loại, bao phủ hơn 68 quốc gia với 65% dân số TG và 440% GDP toàn cầu cho tới 2017.
 - Sự mở rộng của BRI đã khiến cho các cường quốc chú trọng hơn cho cơ sở hạ tầng ở Châu Á – Thái Bình Dương
 - Sự đầu tư của TQ đem lại thay đổi sâu sắc tổng những nước thu nhập trung bình và thấp, vốn mong nhận được sự hỗ trợ về khoa học
- + Tại Sri Lanka TQ đồng tài trợ cho 1 trung tâm nghiên cứu nước ngọt an toàn và hỗ trợ điều tra khủng hoảng về bệnh thận
- + Tại Pakistan họ đồng bảo trợ cho 1 loạt các trung tâm nghiên cứu với mục tiêu tìm hiểu các chủ đề từ lúa gạo đến trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật đường sắt
- + Ở Nam Mỹ, TQ là đối tác của Chile và Argentina tham gia vào các trung tâm nghiên cứu Vật lý thiên văn, tăng cường khả năng truy cập vào 1 số khu bảo tồn quý giá bậc nhất thế giới
- BRI đóng vai trò như 1 cách giải quyết các thách thức về an ninh biên giới phía tây và các vấn đề an ninh năng lượng.
 - BRI tăng cường kết nối giao lưu văn hóa, thương mại từ Châu u sang Châu Á và Châu Phi thông qua những dự án đầu tư không lồ về cơ sở hạ tầng hàng hải, đường sắt, đường bộ.

b. Tiêu cực

- Các quốc gia tiếp nhận đầu tư. Các nước này lo sợ việc trở nên quá phụ thuộc về kinh tế Trung Quốc thông qua sự cải tiến khuôn khổ BRI và việc bị buộc phải thông qua một lập trường chính sách ủng hộ Trung Quốc trong ngoại giao khu vực và ngoại giao quốc tế.
- Một số dự án cơ sở hạ tầng của Trung Quốc ở các nước đã bộc lộ khiếm khuyết, nhất là việc thiếu minh bạch về tài chính khiến chính giới và dư luận sở tại bất bình.
- Bên cạnh đó, việc tiếp nhận nguồn vốn vay từ Trung Quốc khiến các nước nghèo đứng trước nguy cơ vỡ nợ và chịu ảnh hưởng chính trị của TQ
- Ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường
- Các cường quốc trên thế giới (Mỹ, Châu Âu): Ảnh hưởng đến vị thế của mình

3. Liên hệ với Việt Nam

- Tích cực, OBOR sẽ mở ra những cơ hội mới cho Việt Nam trong việc kết nối thương mại, kinh tế với các nước, qua đó tăng thêm các cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- Tiêu cực

-Hệ lụy từ việc vay vốn Trung Quốc

-Bị lệ thuộc, đe dọa đến an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ...

• Để tận dụng được những cơ hội và hạn chế tác động tiêu cực, Việt Nam cần ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng, tận dụng các cơ hội từ sự hội nhập và kết nối khu vực cho phát triển kinh tế; đa dạng hóa các nguồn vay cho phát triển cơ sở hạ tầng, giám sát chặt chẽ việc vay và sử dụng vốn vay.

Câu 4: Thay đổi trong quan niệm CNH của TQ trước và sau cải cách?

1, Khái niệm CNH:

- Công nghiệp hoá là một quá trình có tính tất yếu lịch sử. Để trở thành một nước phát triển, giàu có, mỗi quốc gia đều trải qua quá trình CNH. Sở dĩ như vậy, vì CNH gắn liền với quá trình xoá bỏ nghèo nàn lạc hậu, gắn liền với quá trình chuyển từ lao động thủ công sang lao động cơ khí, từ sản xuất tự cấp tự túc với năng suất lao động thấp sang sản xuất chuyên môn hoá với năng suất lao động cao.
- CNH không chỉ là sự phát triển của công nghiệp, mà còn bao hàm sự phát triển của các ngành khác, các lĩnh vực khác có liên quan đến công nghiệp trong toàn bộ cơ cấu kinh tế, nhận tác động từ công nghiệp và tác động trở lại công nghiệp.

2. CNH ở Trung Quốc trước cải cách

- Trước cải cách, TQ đã thực hiện chiến lược CNH theo mô hình của Liên Xô trước đây: là mô hình kế hoạch hóa tập trung bằng cách ưu tiên phát triển CN nặng, xây dựng một hệ thống CN nặng hoàn chỉnh để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH
- Ngay trong năm 1952, Đảng CS TQ đã đề ra đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên CNXH: “Trong một thời gian dài dần dần thực hiện CNH CNXH, dần dần cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp Tư bản theo hướng XHCN”
- Đại hội VIII (1956) trong đường lối chung đã nhấn mạnh: “Nhiệm vụ trung tâm là tiến hành CNH nhằm biến TQ từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước CN XHCN tiên tiến... Xây dựng một hệ thống CN tương đối hoàn chỉnh để sản xuất CN chiếm vị trí chủ yếu trong sản xuất xã hội, để sản xuất CN nặng chiếm ưu thế trong sản xuất CN, để CN luyện kim và CN luyện thép có thể đảm bảo nhu cầu tái sản xuất mở rộng XHCN... để có được những cơ sở vật chất cần thiết cho nền kinh tế.”
- Đại hội VIII (1956) chủ trương: “Trong quá trình CNH phải tiếp tục phương châm ưu tiên phát triển CN nặng, đồng thời tích cực phát triển CN nhẹ tùy theo điều kiện về vốn, vật tư và nhu cầu” Đại hội khẳng định: Nông nghiệp có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với công cuộc CNH, đối với việc cải thiện đời sống nhân dân, phải tích cực sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực.

3. CNH ở TQ sau cải cách:

- Nhà khởi xướng công cuộc cải cách ở TQ, ông Đặng Tiểu Bình đã khẳng định “Bản chất của CNXH là giải phóng sức sản xuất, xoá bỏ bóc lột, loại bỏ phân hóa hai cực, cuối cùng là cùng giàu có”
- Sự khái quát đó của ông Đặng đã trả lời cho vấn đề CNXH ở TQ là gì?

Sự khái quát này đã thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa LLSX và QHSX XHCN

Sự thống nhất giữa nhiệm vụ cơ bản và mục tiêu của CNXH

Sự thống nhất giữa cơ sở vật chất kỹ thuật và QHSX XHCN

Sự thống nhất giữa quá trình phát triển kinh tế và mục tiêu cuối cùng của CNXH

Như vậy, mục tiêu và nhiệm vụ của CNH ở TQ là để mục tiêu xây dựng CNXH

- TQ cho rằng: TQ đang ở giai đoạn đầu của CNXH, trong điều kiện LLSX còn lạc hậu, nền KTHH không phát triển – tức là cả một giai đoạn lịch sử từ khi TQ đi vào CNXH cho đến khi cơ bản thực hiện HĐH XHCN – Đây sẽ là cả một giai đoạn lịch sử lâu dài, giai đoạn đầu của CNXH là giai đoạn lịch sử dần dần thoát khỏi tình trạng không phát triển.
- Đại hội XIII Đảng CS Trung Quốc (1987) xác định TQ đang ở giai đoạn đầu của CNXH và nhiệm vụ cơ bản trong giai đoạn đầu của CNXH ở TQ là “Tập trung lực lượng tiến hành HĐH. Nhiệm vụ căn bản của xã hội XHCN là phát triển sức sản xuất. Thứ hai, phải

kiên trì cải cách toàn diện. Thứ ba, phải kiên trì mở cửa đối ngoại... Thứ tư, phải ra sức phát triển nền KTHH một cách có kế hoạch, lấy chế độ công hữu làm chủ thể. Sự phát triển đầy đủ của KTHH là một giai đoạn không thể bỏ qua trong quá trình phát triển KTXH, là điều kiện không thể thiếu để thực hiện xã hội hóa, HĐH sản xuất... Trong giai đoạn đầu, nhất thiết phải phát triển kinh tế nhiều thành phần trên cơ sở chế độ công hữu giữ vai trò chủ thể... Thứ năm, ra sức xây dựng nền chính trị dân chủ trên cơ sở đoàn kết, ổn định. Thứ sáu, phải ra sức xây dựng văn minh tinh thần”

- Về chiến lược phát triển kinh tế, Đại hội XIII ĐCS TQ cũng đã đề ra kế hoạch 3 bước (thực chất đó cũng là các bước tiến hành CNH)

Bước 1: sẽ tăng gấp đôi tổng giá trị sản phẩm quốc dân so với năm 1980, giải quyết vấn đề no ấm cho nhân dân (Nhiệm vụ này đã được thực hiện về cơ bản)

Bước 2: đến cuối thế kỷ XX sẽ tăng gấp đôi tổng sản phẩm quốc dân một lần nữa, nâng mức sống nhân dân lên mức tương đối khá giả

Bước 3: sẽ đưa tổng sản phẩm quốc dân bình quân đầu người lên mức của các nước phát triển trung bình. Đời sống nhân dân tương đối giàu có, cơ bản hoàn thành công cuộc HĐH.

- **Các giai đoạn và tiêu chí về CNH ở TQ sau cải cách**

* Các giải pháp cơ bản để thực hiện chiến lược trên là:

- Đưa ra sự nghiệp phát triển Khoa học kỹ thuật và Giáo dục lên hàng đầu, làm cho phát triển kinh tế dựa vào tiến bộ KHKT và nâng cao tổ chất người lao động.
- Đảm bảo sự cân đối tổng cung và tổng cầu, điều chỉnh và cải tạo cơ cấu ngành nghề.
- Tăng bề rộng và chiều sâu của mở cửa đối ngoại, phát triển giao lưu và hợp tác đối ngoại về kinh tế, kỹ thuật...

* Các tiêu chí hướng tới của CNH ở TQ:

- Nhóm tiêu chí về kinh tế
 - + Tốc độ tăng trưởng
 - + Tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP
 - + Cơ cấu lao động
 - + Thu nhập GDP bình quân đầu người
 - + Tỷ trọng giá trị hàng hóa CN xuất khẩu trên tổng giá trị xuất khẩu
- Nhóm tiêu chí về xã hội
 - + Mức độ đô thị hóa
 - + Chỉ số HDI
 - + Khoảng cách chênh lệch phát triển các vùng
- Nhóm tiêu chí về môi trường
 - + Dân số dùng nước sạch
 - + Bảo vệ môi trường
 - + Tỷ lệ chất thải được xử lý

4. Kết quả:

- Nhờ việc thực hiện CNH gắn chặt với cải cách, mở cửa nền kinh tế, trong vòng 20 năm cuối thế kỷ XX Trung Quốc đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất trong lịch sử phát triển của họ, và cũng là cao nhất thế giới (bình quân tăng 9,8%/năm, năm 2007 tăng 11,4%). Năm 2004, GDP của Trung Quốc đạt 1.649 tỷ USD, xếp thứ bảy trên thế giới; và năm 2007 là 4.430 tỷ USD, đứng thứ tư (sau Mỹ, Nhật và Đức), với GDP bình quân đầu người 2.200 USD.

- Như vậy, Trung Quốc đã trải qua hai thời kỳ, ứng với những mô hình CNH khác nhau và kết quả CNH đạt được cũng khác nhau. Nếu mô hình CNH những năm trước 1980 là thất bại, thì ngược lại mô hình CNH Trung Quốc thực hiện từ những năm 1980 đến nay đã rất thành công, trở thành một mẫu mô hình CNH mới của Trung Quốc. Đó là mô hình CNH kết hợp giữa cơ chế thị trường và chủ nghĩa xã hội, gắn chặt công nghiệp hóa với cải cách và mở cửa nền kinh tế.

5. Liên hệ Việt Nam

5.1. Trước 1945:

Công nghiệp VN hầu như là các làng nghề thủ công truyền thống, thị trường tiêu thụ nhỏ hẹp; cơ cấu công nghiệp đã nhỏ bé lại phụ thuộc vào công nghiệp chính quốc;

5.2. Từ 1946-1982:

Đại hội lần IV của đảng(1976) có phương hướng :” ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển công nghiệp nhẹ và nông nghiệp”. Chủ trương thời kì này là thực hiện mô hình công nghiệp hóa dựa vào nguồn lực nội sinh

5.3. Giai đoạn từ 1986 đến trước khi gia nhập WTO(2007)

- Mục tiêu: “ ưu tiên phát triển công nghiệp nặng” đã chuyển sang “ lấy nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu làm trọng tâm”. Từ đó dẫn đến sự đổi mới trong cơ cấu đầu tư “Đầu tư có trọng điểm và tập trung vào những mục tiêu và các ngành quan trọng, trước hết đầu tư cho sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, cho chế biến nông sản và một số ngành công nghiệp nặng trực tiếp phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn”
- Đại hội IX (năm 2001) và Đại hội X (năm 2006) Đảng ta tiếp tục bổ sung và nhấn mạnh một số điểm mới trong tư duy về công nghiệp hóa: Tiến hành công nghiệp hóa theo lối rút ngắn so với các nước đi trước: Phát triển kinh tế và công nghệ phải vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt; phát huy những lợi thế của đất nước, gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức; phát huy nguồn lực trí tuệ và tinh thần của con người Việt Nam, đặc biệt coi trọng phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xem đây là nền tảng và động lực cho CNH, HDH.

5.4. Sau gia nhập WTO

Chủ trương đi theo mô hình kết hợp giữa nguồn lực nội sinh và ngoại sinh, vừa phát triển các ngành công nghiệp truyền thống vừa tận dụng và thu hút vốn đầu tư nước ngoài cho các ngành công nghiệp hiện đại.

cuu duong than cong. com

Câu 5: Thay đổi quan điểm về chế độ sở hữu ở TQ trước và sau cải cách?

1. Khái niệm:

- Quan hệ sở hữu: Quan hệ sở hữu là Quan hệ giữa người với người trong quá trình chiếm hữu các của cải vật chất trong một chế độ xã hội nhất định. Quan hệ sở hữu có 4 quyền năng là quyền chiếm hữu sở hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt với vật, tài sản.
- Chế độ sở hữu: QHSH được xã hội, pháp luật thừa nhận, trở thành chế độ sở hữu

2 Chế độ sở hữu ở TQ trước cải cách (1949 – 1978)

Trước cc mở cửa, TQ đã có gần 30 năm xây dựng CNXH theo mô hình ‘Nhất đại nhì công’

- Ngay trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953 – 1957), TQ đã tiến hành cải tạo XHCN hàng loạt

-Sau cách mạng thành công năm 1949, Trung Quốc cũng bắt tay vào công cuộc xây dựng CNXH với việc xóa bỏ các thành phần kinh tế TBCN, phong kiến và cá thể để xác lập hai hình thức sở hữu chủ yếu là quốc doanh và tập thể - công xã nhân dân

-Đến năm 1956, Trung Quốc tuyên bố “đã cơ bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa”, “kinh tế công hữu xã hội chủ nghĩa chiếm tới 93%”, “kinh tế tư doanh từ 6,9% giảm xuống chỉ còn dưới 0,1%, kinh tế cá thể giảm từ 71,8% xuống còn 7,1%”. Vì vậy, có thể coi năm 1956 là thời điểm Trung Quốc hoàn thành quá trình xóa bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ sở hữu XHCN gồm sở hữu quốc doanh và sở hữu tập thể chiếm tỷ trọng tuyệt đối.

- Giai đoạn “Đại nhảy vọt” (1958 – 1965)

- Trong lĩnh vực CN: TQ tiếp tục mở rộng các xí nghiệp quốc doanh. Phát động phong trào đại nhảy vọt về kinh tế

- Trong lĩnh vực NN

- Trong giai đoạn tiếp theo (1966 – 1976) và giai đoạn (1976 – 1978)

3, Chế độ sở hữu sau cải cách TQ:

Nhưng với đường lối “cải cách và mở cửa” từ năm 1978, Trung Quốc đã có bước phát triển bứt phá mạnh mẽ. Những thay đổi trong nhận thức và chính sách của Trung Quốc về quan hệ sở hữu thể hiện ở những điểm chủ yếu sau:

- Thấy rằng quan niệm CNXH truyền thống đồng nhất với chế độ công hữu, chỉ “vì công” là sai.
- Từ chỗ coi trọng quá mức “công hay tư” chuyển sang chú trọng “tốt hay xấu”, có ích hay không trước tiên; không phân biệt “họ Xã hay họ Tư” mà lấy tiêu chí phát triển làm thước đo; từ “công tư đối lập” sang cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy lẫn nhau phát triển; thành phần kinh tế có hiệu quả tốt sẽ thay thế thành phần kinh tế không hiệu quả, đây là quy luật phát triển tất yếu của lịch sử.
- Từ chỗ chia đôi một cách hẹp hòi các thành phần kinh tế XHCN và phi XHCN sang có tầm nhìn tổng hợp, đa chiều về chế độ sở hữu, đan xen tác động lẫn nhau trong nền kinh tế quốc dân.
- Chế độ công hữu là chủ thể phải thể hiện ở sức sống và sức cạnh tranh, sức chi phối, tầm ảnh hưởng và sức lôi kéo của kinh tế nhà nước; phải thể hiện được hiệu quả kinh tế rõ ràng, hiệu quả xã hội nổi bật thì kinh tế nhà nước mới là thành phần kinh tế có ưu thế. Chế độ công hữu phải kết hợp với nhiều loại hình sở hữu cùng phát triển.
- Từ chỗ coi các thành phần kinh tế ngoài công hữu và tập thể “là cái đuôi của CNTB” sang là “bộ phận quan trọng, là chủ thể cạnh tranh bình đẳng, được bảo vệ một cách bình đẳng” trong nền kinh tế thị trường XHCN; thúc đẩy phát triển mạnh các thành phần kinh tế ngoài chế độ công hữu (đầu tư nước ngoài, tư nhân, cá thể, hộ nông dân...).

- Khẳng định xu thế và phương hướng phát triển chế độ sở hữu đương đại là: chế độ sở hữu hỗn hợp với hình thức chính là chế độ cổ phần

4. Mục tiêu của cải cách chế độ sở hữu

- Đại hội XIV (1992) ĐCS TQ đã chỉ rõ: mục tiêu của cải cách thể chế kinh tế ở TQ là xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN
- *Đại hội XV (1997) đặt ra mục tiêu tới năm 2020 xây dựng thể chế KTTT tương đối hoàn thiện

Đại hội khẳng định chế độ công hữu là chủ thể, kinh tế thuộc nhiều chế độ

5. Kết cấu chế độ sở hữu ở Trung Quốc

Trong 40 năm cải cách - mở cửa, cơ cấu thành phần kinh tế của Trung Quốc đã thay đổi căn bản: nếu năm 1978, khi mới bước vào cải cách mở cửa, kinh tế công hữu chiếm trên 99%, thì đến năm 1997 khu vực kinh tế nhà nước chỉ còn chiếm 42%. Riêng trong lĩnh vực công nghiệp, nếu năm 1978 tổng giá trị sản lượng công nghiệp của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 77,6% còn khu vực ngoài quốc doanh chiếm 22,4%, thì đến năm 2007 khu vực quốc doanh chỉ còn chiếm 29,5% và khu vực ngoài quốc doanh vươn lên chiếm tới 70,5%. Tỷ trọng giá trị gia tăng của khu vực kinh tế ngoài công hữu trong tổng GDP không ngừng tăng lên. Riêng trong lĩnh vực công nghiệp, nếu năm 1992 tỷ trọng này của khu vực ngoài công hữu mới chiếm 48,5%, thì đến năm 2001 đã lên tới 78,3%.

6. Liên hệ Việt Nam: có những nét tương đồng với TQ

- Từ năm 1958 đến 1962, Cùng với quá trình hợp tác hóa - tập thể hóa trong nông nghiệp, xóa bỏ sở hữu tư nhân, cá thể.
- Hiến pháp năm 1992 của nước ta khẳng định "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước" xác định 3 chế độ sở hữu: toàn dân, tập thể và tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng (Điều 15); xác định có 5 thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước (Điều 16). Đó là nền tảng rất cơ bản và quan trọng về nhận thức và pháp lý của quá trình Đổi mới
- Hiến pháp 2013 đã chế định rõ hơn bước tiến trong nhận thức và thực tiễn về cấu trúc đa thành phần của quan hệ sở hữu : “Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Câu 6. Những thành công và hạn chế của công cuộc cc mở cửa TQ?

1. Những thành công:

- Kinh tế TQ có sự tăng trưởng nhanh cả về tốc độ lẫn quy mô
- Nếu trong 30 năm đầu của nước CHND Trung Hoa (1949 – 1978), GDP tăng bình quân hàng năm là 3,2%/năm, thì 30 năm cải cách và mở cửa (1979 – 2009), GDP bình quân là
- Nhờ liên tục duy trì mức tăng trưởng cao đã làm cho tiềm lực kinh tế của TQ lớn mạnh vượt trội. Tổng GDP của TQ tăng từ 1160 tỷ USD năm 2001 lên 2263,8 tỷ USD năm 2005 và đạt 3420 tỷ USD năm 2007; năm 2010 ước đạt 5,8 nghìn tỷ USD
- Với mức này, từ năm 2005, tiềm lực kinh tế của TQ đã vượt Anh. Năm 2008, TQ lại vượt Đức, vươn lên đứng thứ 3 thế giới. Năm 2010, TQ vượt qua Nhật Bản vươn lên đứng vị trí thứ hai sau Mỹ

- Hiện TQ đã vươn lên đứng đầu thế về dự trữ ngoại hối
 - Cơ cấu kinh tế TQ có sự chuyển biến tích cực.
- Tỷ trọng của NN trong nền KT có xu hướng giảm, đồng thời tỷ trọng của CN và DV tăng lên trong GDP, năm 2010, NN10%, CN 47%, DV 43%.
 - Thành tựu về KT đối ngoại phát triển nhanh chóng:
- Về ngoại thương, TQ đã đứng vị trí thứ 6 ngay từ 2001
- Sau 6 năm (2001-2006) TQ đã vươn lên đứng thứ 3
- Năm 2010, ước đạt 2700 tỷ USD
- Công cuộc thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) cũng thu được thành tựu to lớn. TQ đã trở thành địa chỉ hấp dẫn thu hút FDI, TQ là một trong những nước thu hút FDI nhiều nhất thế giới. Từ năm 2008 đến 2011, ước tính mỗi năm FDI vào TQ khoảng 87 tỷ USD
 - Đời sống của nhân dân Trung Quốc đã được cải thiện một bước đáng kể
- Mức sống của người dân đã được nâng lên rõ rệt, về cơ bản TQ đã thực hiện những bước nhảy mang tính lịch sử từ nghèo đói sang khá giả.
- Tổng sản lượng lương thực của TQ đã tăng từ mức 452,6 triệu tấn năm 2001 lên 53 triệu tấn năm 2009. TQ đã giải quyết vững chắc vấn đề lương thực cho đất nước hơn 1 tỷ dân.
- Nếu năm 2006, cả nước TQ chỉ có 15 tỷ Dollar
- Với mức 5,8 nghìn tỷ USD GDP, TQ đã vươn lên vị trí nền kinh tế thứ hai thế giới, vượt qua Nhật Bản
- Sau 6 năm (2001 – 2007), TQ đã nâng thứ hạng của mình từ nước có tổng thương mại lớn thứ 6 thế giới, vươn lên đứng thứ 3.
- Khối lượng thương mại XNK của TQ đã trở thành một trong những động lực cho sự khôi phục và phát triển của nhiều nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

2, Những tồn tại và hạn chế:

- Một bộ phận không nhỏ các DN quốc hữu làm ăn, kinh doanh kém hiệu quả.
- Kinh tế nông thôn và kinh tế đô thị đứng trước những thách thức mới trong việc phát triển theo chiều sâu và nâng cao tính hiệu quả KTXH
- Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội ngày càng sâu sắc, sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng miền
- Những tiêu cực trong xã hội (quan liêu, tham nhũng, tệ nạn XH...) cũng đang là những vấn đề nan giải trong đời sống XH ở TQ.
- Tình trạng ô nhiễm môi trường cũng hết sức trầm trọng...

3, Bài học Về mô hình CNXH ở Trung Quốc

- Mô hình “CNXH đặc sắc TQ”
 - Về kết cấu sở hữu: kinh tế công hữu gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể đóng vai trò chủ thể; kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh, kinh tế vốn ngoại đóng vai trò bổ sung. Các thành phần kinh tế cùng tồn tại và phát triển lâu dài.
 - Về chế độ phân phối: phân phối theo lao động là chính, kết hợp với phân phối theo các yếu tố sản xuất, khuyến khích mọi người cùng làm giàu, ngăn ngừa phân hóa hai cực.
 - Về quản lý vĩ mô: Nhà nước vận dụng các biện pháp điều tiết kinh tế, bao gồm các biện pháp trong và ngoài thị trường.
- >>>> Trong quá trình xóa bỏ cơ chế cũ chuyển sang xây dựng thể chế KTTT XHCN, TQ đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn:
- Khâu đột phá trong cải cách mở cửa là bắt đầu từ nông nghiệp, trong nông nghiệp TQ thực hiện chế độ khoán hộ là cơ sở

- Trong quá trình cải cách mở cửa, TQ cho rằng phải xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách – phát triển - ổn định. Cải cách là biện pháp là động lực, phát triển là mục đích, ổn định là điều kiện.

- Trong quá trình cải cách mở cửa, phải xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa thực tiễn và lý luận cải cách. Trong quá trình cải cách, TQ coi trọng phương châm “Dò đá qua sông”, phải trân trọng tránh những xáo trộn, bất ổn.

- Phải kiên trì, phát triển LLSX, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa hiệu suất và công bằng.

- Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị. Phương châm chỉ đạo là “Lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh” sang “Lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm”

- TQ nhấn mạnh cần phải học tập kinh nghiệm nước ngoài cả về kinh tế lẫn kỹ thuật về kinh nghiệm quản lý.

* Do nhận thức được đặc điểm của thời là xu thế toàn cầu hóa và kinh tế tri thức. TQ đã thay đổi quan điểm về CNH, đó là đi theo con đường CNH kiểu mới.

* Con đường CNH kiểu mới mà TQ lựa chọn là con đường CNH kết hợp với tri thức

- Về CNH và HDH

-Do nhận thức được đặc điểm của thời là xu thế TCH và kt tri thức. TQ đã thay đổi quan niệm về CNH, do đó đi theo con đường CNH kiểu mới.

-Con đường CNH kiểu mới mà TQ lựa chọn là con đường kết hợp CNH với tri thức hóa kt. Đó là CNH được vận dụng triệt để mọi thành tựu KHCN mới nhất, là CNH nâng cao năng lực kt và hiệu quả cạnh tranh thị trường, đi theo con đường phát triển bền vững, phát triển ưu thế nguồn nhân lực

- Về cải cách kinh tế và công cuộc mở cửa hội nhập ở TQ

- TQ quan niệm: muốn CNH, HDH thành công, TQ tất yếu phải mở cửa kinh tế, mở cửa toàn phương vị

-Trong khi thực hiện mở cửa KTDN, TQ nhấn mạnh phải xử lý tốt mối quan hệ giữa mở cửa đối ngoại với độc lập tự chủ

-Trong mở cửa đối ngoại cần phải kiên trì 4 nguyên tắc cơ bản:

+ Mối quan hệ giữa mở cửa với bình đẳng

+ Mối quan hệ giữa mở cửa với cùng có lợi

+Mối quan hệ giữa mở cửa với sự ổn định chính trị XH

+Mối quan hệ giữa mở cửa với tăng cường xây dựng văn minh tinh thần

Câu 7:Nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở TQ trước, sau cc?

1, NN-ND-NT trước cải cách và mở cửa kinh tế ở Trung Quốc

- Mô hình kinh tế nông thôn ở TQ trước cải cách là mô hình “công xã nhân dân”. Đó là kết quả của quá trình cải tạo XHCN trong những năm trước đây với tư duy giáo điều về CNXH.

- Trong NN, TQ tập thể hóa TLSX hàng loạt dưới hình thức “công xã nhân dân”, quy mô mỗi công xã lên tới 5000 hộ.

- Đây là mô hình hợp nhất giữa đơn vị sản xuất và đơn vị chính quyền, có tính chất khép kín với cơ cấu nông – công – thương nghiệp; giáo dục và quân sự được thống nhất quản lý và phân phối sản phẩm bình quân; kinh tế phụ gia đình bị xóa bỏ

- Cơ sở vật chất kỹ thuật ở nông thôn là hết sức thấp kém, lao động thủ công, lao động cưỡng bức, phân phối bình quân... Đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn... Đói kém là phổ biến

- Một hình ảnh nói là đặc điểm của NN-ND-NT Trung Quốc trước cải cách như sau: Hè thu năm 1978, tỉnh An Huy (TQ) bị hạn hán nghiêm trọng, nạn đói tràn lan, nhiều nơi nông dân bỏ ruộng đất, bỏ quê hương đi hành khất. Tỉnh ủy họp khẩn cấp, Bí thư tỉnh ủy ông Vạn Lý phát triển “Chúng ta không thể khoanh tay ngồi nhìn cảnh đồng quê hoang vắng, tiêu điều. Như thế này thì năm sau càng khó khăn. Công xã bỏ ruộng hoang, như vậy thì chỉ bằng cho cá nhân mượn ruộng đất tự do cây trồng, phát huy tiềm lực bản thân, vượt qua nạn đói”

2. NN-ND-NT Trung Quốc từ sau cải cách và mở cửa kinh tế

Có thể nói, công cuộc cải cách và mở cửa kinh tế ở TQ đã bắt đầu từ nông thôn. Nông nghiệp và nông thôn là khâu đột phá trong cải cách và mở cửa kinh tế ở TQ.

- Có thể tóm tắt nội dung của cải cách nông nghiệp, nông thôn như sau:

- Thứ nhất, là tập trung giải quyết cho bằng được mối quan hệ giữa nông dân với công xã. Mục đích là thay đổi chế độ công xã nhân dân với sở hữu 3 cấp, lấy đội sản xuất làm cơ sở. Khôi phục lại tổ chức chính quyền ở nông thôn
- Thứ hai, là phát triển thể chế kinh doanh 2 tầng, kết hợp giữa kinh doanh HTX với kinh doanh cá thể. Lấy khoán hộ gia đình làm cơ sở.
- Thứ ba, Nhà nước nâng giá thu mua nông sản nhằm khuyến khích nông dân tích cực sản xuất nông nghiệp, tiến tới xóa bỏ chế độ thu mua áp đặt. Sẽ thực hiện giá thỏa thuận theo cơ chế thị trường lưu thông.

- Công cuộc cải cách kinh tế ở nông thôn dành được thành tựu to lớn:

đó là đã thuận theo quan hệ kinh tế cơ bản nhất ở nông thôn, tức là thực hiện sở hữu tập thể về ruộng đất kinh doanh khoán hộ gia đình, đã xây dựng được thể chế kinh doanh 2 tầng, kết hợp kinh doanh thống nhất với kinh doanh phân tán. Xác lập chế độ kinh doanh cơ bản này ở nông thôn đã kiên trì, tính chất không thay đổi chế độ sở hữu tập thể về TLSX cơ bản – ruộng đất, lại thực hiện kinh doanh khoán sản xuất đến hộ gia đình. Chế độ đó về cơ bản đã phù hợp với trình độ phát triển của LLSX ở nông thôn TQ.

- Hội nghị TW 3 (khóa XV) của ĐCS TQ trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cải cách nông thôn ở TQ, từ góc độ của lý luận đã đề ra **chính sách cơ bản của nông thôn phải kiên trì ổn định lâu dài.**

- Một là, chế độ kinh tế cơ bản lấy chế độ công hữu làm trung tâm, kinh tế các loại chế độ sở hữu cùng phát triển.
- Hai là, chế độ kinh doanh lấy kinh doanh khoán hộ gia đình làm cơ sở, kết hợp kinh doanh thống nhất với kinh doanh phân tán.
- Ba là, chế độ phân phối lấy thu nhập lao động là chính và kết hợp với phân phối theo yếu tố sản xuất.

Và yêu cầu trên cơ sở này, theo yêu cầu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN đi sâu vào cải cách nông thôn. Từ đó hình thành lý luận cơ bản và chính sách cơ bản chỉ đạo công cuộc cải cách ở nông thôn TQ.

- Cải cách thể chế lưu thông nông sản cũng là bộ phận tổ thành quan trọng của cải cách nông thôn TQ. Với những nội dung cơ bản sau:

- Một là, hủy bỏ chế độ thống nhất thu mua nông sản của Nhà nước.
- Hai là, từng bước chuyển đổi cơ chế hình thành giá cả nông sản theo hướng thị trường
- Ba là, xây dựng tổ chức thị trường nông sản
- Bốn là, hình thành hệ thống điều tiết của Nhà nước đối với thị trường nông sản.

Câu 8: Thay đổi quan điểm về kinh tế đối ngoại ở Trung quốc trước, sau cc?

1,khái niệm :

Kinh tế đối ngoại là quan hệ kinh tế mà chủ thể của nó là một quốc gia với bên ngoài - với nước khác hoặc với tổ chức kinh tế quốc tế khác. Bao gồm thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế..

2, Quan điểm kinh tế đối ngoại trước cải cách mở cửa kinh tế ở Trung Quốc

- Với quan điểm giáo điều về CNXH, với chế độ công hữu và nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung (kinh tế chỉ huy). Ở Trung Quốc đã đổi lập nền KT XHCN với nền KTHH, KTTT Bởi thế đã hạn chế việc trao đổi và tham gia vào phân công lao động quốc tế. Thực hiện một nền kinh tế đóng cửa với thế giới bên ngoài.

- Mặc khác, với quan niệm về độc lập – tự chủ, tự lực cánh sinh, nhấn mạnh tới yếu tố bên ngoài đã dẫn tới chủ trương xây dựng một nền kinh tế khép kín. Vì quan niệm: Coi vay mượn, hợp tác là quỳ gối dâng tài nguyên cho ngoại bang. Coi hợp tác với các nước tư bản là phụ thuộc, là đầu hàng của nước nghèo đối với nước giàu

Coi buôn bán, vay nợ là “ăn mày CNTB”

Coi “ngọn lúa của CNXH còn hơn cây lúa của CNTB”

- Trong thực tế ở TQ, quan hệ kinh tế đối ngoại chỉ dừng lại ở một nền ngoại thương kém phát triển và một ít viện trợ nhằm mục tiêu chính trị.

Những quan hệ vay nợ, đầu tư, hoạt động du lịch... đều không đáng kể và gần như bị triệt tiêu trong thời kỳ trước cải cách, mở cửa, nhất là trong thời kỳ “Bè lũ 4 tên”

3.Sự thay đổi trong quan điểm về kinh tế đối ngoại ở Trung Quốc

3.1Quan điểm mở cửa nền kinh tế

-Trong tuyên ngôn của Đảng CS, Mác và Angghen đã từng nói “Giai cấp tư sản đã khai thác thị trường thế giới, đã biến việc sản xuất và tiêu thụ của tất cả các nước mang tính chất toàn cầu... Nền công nghiệp gia công không phải lấy nguyên liệu của nước mình mà từ một vùng xa xôi; hàng hóa sản xuất không chỉ tiêu thụ trong nước, mà còn tiêu thụ ở các nơi khác trên thế giới. Tình trạng đóng cửa, tự cung tự cấp của các vùng, các dân tộc trước kia được thay bằng sự phụ thuộc lẫn nhau về các mặt và sự giao lưu giữa các dân tộc với nhau”

-Bản chất KTHH là kinh tế mở

-Nền kinh tế khép kín mang tính chất hiện vật của TQ đã đẩy kinh tế TQ đến bờ vực phá sản. Vì vậy đã buộc TQ phải cải cách, mở cửa với thế giới bên ngoài.

-Mở cửa đối ngoại của TQ không phải là mở cửa một phương diện, một lĩnh vực nào đó, mà là mở cửa đối ngoại trên mọi phương diện, mọi tầng bậc và hình thức KT đối ngoại là đa dạng, từ thương mại, thu hút đầu tư cho tới các lĩnh vực khác

- Quá trình mở cửa của TQ có thể khái quát:

-Từng bước mở cửa vùng ven biển, tiến đến mở cửa các vùng ven sông, ven biên giới và mọi vùng trong nội địa

-Những bước đi như vậy đã dần dần hình thành thế mở cửa đối ngoại nhiều tầng nấc ra mọi hướng, theo phương châm mở cửa đi từ điểm đến tuyến, từ tuyến đến diện. Quá trình mở cửa đó cũng theo nguyên tắc: cho phép một số vùng giàu lên trước rồi lan tỏa ra các vùng khác.

-Năm 2001, TQ gia nhập WTO, điều đó đã chứng tỏ TQ ngày càng hội nhập sâu rộng vào thế giới bên ngoài

3.2 Ngoại thương Trung Quốc từ sau khi cải cách, mở cửa

Mở cửa đối ngoại đã thúc đẩy thương mại của TQ phát triển nhanh.

-10 năm sau (2007), kim ngạch XNK của TQ đã đạt 2173 tỷ USD và vươn lên đứng vị trí thứ 2 thế giới (sau Mỹ)

-Mức xuất siêu của TQ cũng đã tăng vọt, từ 24 tỷ USD năm 2000 lên hàng trăm tỷ USD vào cuối thập niên đầu thế kỷ XXI

3.3 Thu hút FDI

-Thu hút FDI của TQ đã thúc đẩy tăng trưởng đầu tư xã hội, góp phần phát triển nhiều ngành sản xuất mới, tạo bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, thúc đẩy nhanh chóng tốc độ phát triển KTQD.

-Năm 1983, mức thu hút FDI mới chỉ là 916 triệu USD thì đến năm 1991 đã đạt 4,366 tỷ USD.

-Nhưng từ năm 1992, mức tăng bình quân là 10 tỷ USD/năm

Từ năm 1996, mức tăng bình quân là 40 tỷ USD/năm

Từ năm 2001 đến năm 2003, bình quân 50 tỷ USD/năm

Từ năm 2004 đến năm 2006, bình quân 60 tỷ USD/năm

Từ năm 2007 đến nay, bình quân 80 đến 90 tỷ USD/năm

Theo thống kê, FDI vào Trung Quốc chiếm khoảng 40% tổng FDI của các nước đang phát triển.

Từ năm 1993 đến nay, Trung Quốc là nước đứng thứ hai thế giới trong việc thu hút FDI. Hiện nay có gần 170 nước và vùng lãnh thổ có vốn FDI tại Trung Quốc

-Nhờ thu hút FDI đã làm cho nền kinh tế Trung Quốc có sự chuyển biến mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, KTQD phát triển nhanh chóng.

-Về xuất khẩu lao động

Có thể nói TQ là một trong những nước xuất khẩu lao động hàng đầu thế giới. Việc xuất khẩu lao động được thực hiện thông qua các công ty XK lao động

-Bên cạnh đó việc nhận thầu các công trình ở nước ngoài và đem theo lao động theo các công trình đó là một chiến lược ở TQ

Ngay trong giai đoạn đầu mở cửa (1979 – 1994), việc nhận thầu các công trình và đem theo lao động đã mang lại cho TQ 25 tỷ USD, bình quân trên 2 tỷ USD/năm

3.4 Các hình thức quan hệ KTĐN khác

Về hoạt động kinh doanh Du lịch: Du lịch ngành “Công nghiệp không khói” của TQ phát triển rất mạnh từ sau cải cách, mở cửa

Năm 1978, mới chỉ có 1,8 triệu lượt khách nhập cảnh

Đến năm 1997 đã lên tới 57,5 triệu lượt khách, tăng hơn 30 lần

Năm 1998, mức doanh thu ngoại tệ từ du lịch là 12,6 tỷ USD, tăng 45 lần so với năm 1978. Thời kỳ 1978 – 1998, doanh thu từ du lịch đạt 78,4 tỷ USD

Năm 1998, mức thu ngoại tệ từ du lịch của TQ đứng hàng thứ 7 thế giới sau Mỹ, Ý, Pháp, TBN, Anh và Đức.

TQ cũng mở rộng cho người TQ ra nước ngoài du lịch, năm 1997, có tới 8,1 triệu người xuất cảnh du lịch, tăng gấp 4 lần so với năm 1978.

4. Bài học kinh nghiệm cho VN

a) Mở cửa: là bạn, là đối tác tin cậy,

- Mở cửa toàn diện

b) Giải pháp

- Chính sách vĩ mô

- Phát triển khu CN, khu chế xuất

- Xây dựng các tập đoàn

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com